

Số: **116** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 8 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2022 từ nguồn
vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2022;

Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1898/SLĐTBXH-BTXH&GN ngày 02/8/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3231/STC-NS ngày 03/8/2022; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thống nhất phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương, với tổng số tiền là 9.168 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh: 6.843 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện: Tổng số tiền là 2.325 triệu đồng, UBND các huyện có trách nhiệm bố trí ngân sách cấp huyện để thực hiện.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

(Kèm theo Tờ trình này là dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2022 từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu VT, KGVXvht374.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

Phụ lục 1

Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh đối ứng

(Kèm theo tờ trình số 446 /TT-UBND ngày 16 /8/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng kinh phí	Dự án 1		Dự án 2		Dự án 3			Dự án 4			Dự án 6		Dự án 7		Ghi chú		
			Tổng cộng	Tiền DA1- Hoạt động 1	Tiền DA1- Hoạt động 2	Tiền DA 1	Tổng cộng	Tiền DA 1	Tiền DA 2	Tiền DA 3	Tổng cộng	Tiền DA 1	Tiền DA 2	Tổng cộng	Tiền DA 1	Tiền DA 2			
1	Thành phố Quảng Ngãi	216	-			72	36	75	45			30	4	2	2	29	19	10	
2	Huyện Lý Sơn	405	180		180	84	42	67	51	2		14	4	2	2	28	18	10	
3	Huyện Bình Sơn	280	-			94	47	95	57			38	6	3	3	38	25	13	
4	Huyện Sơn Tịnh	174	-			58	29	60	42			18	4	2	2	23	15	8	
5	Huyện Tư Nghĩa	192	-			62	31	71	45			26	4	2	2	24	16	8	
6	Huyện Nghĩa Hành	201	-			69	35	66	49			17	4	2	2	27	18	9	
7	Huyện Mộ Đức	221	-			73	36	78	52			26	5	2	3	29	19	10	
8	Thị xã Đức Phổ	221	-			73	36	78	52			26	5	2	3	29	19	10	
9	Huyện Trà Bồng	995	195	195		382	191	126	80	25		21	13	6	7	88	58	30	
10	Huyện Sơn Hà	337	-			117	58	108	79			29	7	3	4	47	31	16	
11	Huyện Sơn Tây	763	175	175		279	139	98	63	19		16	10	5	5	62	41	21	
12	Huyện Minh Long	201	-			67	33	70	55			15	4	2	2	27	18	9	
13	Huyện Ba Tơ	289	-			102	51	89	70			19	6	3	3	41	27	14	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.179	-			405		619	555	15		49	33		33	122	80	42	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42	-				23	-					-			19	12	7	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	42	-					-					23	23		19	12	7	
17	Sở Y tế	19	-					-					-			19	12	7	
18	Sở Xây dựng	19	-					-					-			19	12	7	
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	-					-					-			7		7	

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng kinh phí	Dự án 1				Dự án 2			Dự án 3			Dự án 4			Dự án 6			Dự án 7		Ghi chú	
			Tổng cộng	Tiêu DA1- Hoạt động 1	Tiêu DA1- Hoạt động 2			Tiêu DA 1	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tiêu DA 3	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2	Tổng cộng	Tiêu DA 1	Tiêu DA 2				
20	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất	277	-								277	277										
21	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	277	-								277	277										
22	Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi	347	-								347	347										
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tư	139	-								139	139										
Tổng cộng		6.843	550	370	180	1.937	787	2.740	2.335	61	344	132	59	73	697	452	245					

Ghi chú:

- Kinh phí của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tư giao cho UBND huyện Ba Tư thực hiện và đối ứng 5% vốn TW
- Kinh phí của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm đầu mối thực hiện.

Phụ lục 2

Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

Nguồn vốn: Ngân sách huyện đối ứng

(Kèm theo tờ trình số **116/TT-UBND** ngày **10/8/2022** của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng kinh phí	Dự án 1		Dự án 2		Dự án 3			Dự án 4			Dự án 6			Dự án 7			Ghi chú
			Tổng cộng	DA1- Hoạt động 1	Tiền DA1	Tiền DA1	Tiền DA1	Tiền DA1	Tiền DA2	Tiền DA3	Tổng cộng	Tiền DA1	Tiền DA2	Tiền DA1	Tiền DA2	Tiền DA1	Tiền DA2	Tổng cộng	
1	Thành phố Quảng Ngãi	110	-		37	18	38	23		15	2	1	1	15	10	5			
2	Huyện Lý Sơn	204	90		43	21	34	26	1	7	2	1	1	14	9	5			
3	Huyện Bình Sơn	139	-		47	23	48	29		19	3	1	2	18	12	6			
4	Huyện Sơn Tịnh	89	-		30	15	30	21		9	2	1	1	12	8	4			
5	Huyện Tư Nghĩa	96	-		32	15	35	22		13	2	1	1	12	8	4			
6	Huyện Nghĩa Hành	103	-		36	17	34	25		9	2	1	1	14	9	5			
7	Huyện Mộ Đức	110	-		36	18	39	26		13	2	1	1	15	10	5			
8	Thị xã Đức Phổ	110	-		36	18	39	26		13	2	1	1	15	10	5			
9	Huyện Trà Bồng	498	98	98	191	95	63	40	13	10	7	3	4	44	29	15			
10	Huyện Sơn Hà	168	-		58	29	54	40		14	4	2	2	23	15	8			
11	Huyện Sơn Tây	382	88	88	140	70	49	31	10	8	5	2	3	30	20	10			
12	Huyện Minh Long	102	-		33	17	36	28		8	2	1	1	14	9	5			
13	Huyện Ba Tơ	145	-		51	25	45	35		10	4	2	2	20	13	7			
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tơ	69	-				69	69			-								
Tổng cộng		2.325	276	186	90	770	381	613	441	24	148	39	18	21	246	162	84		

Ghi chú: Khoản kinh phí phân bổ nêu trên là mức chi tối thiểu; tùy theo tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí thêm kinh phí để thực hiện Chương trình, đảm bảo không thấp hơn kinh phí nêu trên.

- Kinh phí của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Ba Tơ giao cho UBND huyện Ba Tơ thực hiện và đối ứng ngân sách huyện.